Đăng kí bằng mail

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Đăng kí tài khoản bằng email** | |
| Mục đích: | Giúp người dùng có thể đăng kí tài khoản |
| Mô tả: | Cho phép người dùng tạo tài khoản để mua hàng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã truy cập vào trang web và chưa có tài khoản |
| Điều kiện sau: | Tài khoản của người dùng được tạo |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn chức năng đăng kí ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị giao diện đăng kí |
| 3 Người dùng nhập các thông tin và chọn đăng kí |  |
|  | 4 Hệ thông kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 5 Hệ thống gửi mã xác nhận qua mail |
|  | 6 Hệ thống hiển thị giao diện nhập mã xác nhận của mail |
| 7 Người dùng nhập mã xác nhận |  |
|  | 8 Hệ thống kiểm tra mã xác nhận |
|  | 9 Hệ thống trả về lại giao diện đăng nhập sau khi đăng kí tài khoản thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 4.1 Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
|  | 8.1 Hệ thống thông báo mã xác nhận của email không đúng |

Đăng kí bằng số điện thoại

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Đăng kí tài khoản bằng số điện thoại** | |
| Mục đích: | Giúp người dùng có thể đăng kí tài khoản |
| Mô tả: | Cho phép người dùng tạo tài khoản để mua hàng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã truy cập vào trang web và chưa có tài khoản |
| Điều kiện sau: | Tài khoản của người dùng được tạo |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn chức năng đăng kí ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị giao diện đăng kí |
| 3 Người dùng nhập các thông tin và chọn đăng kí |  |
|  | 4 Hệ thông kiểm tra thông tin được nhập |
|  | 5 Hệ thống gửi mã xác nhận qua số điện thoại |
|  | 6 Hệ thống hiển thị giao diện nhập mã xác nhận của số điện thoại |
| 7 Người dùng nhập mã xác nhận |  |
|  | 8 Hệ thống kiểm tra mã xác nhận |
|  | 9 Hệ thống trả về lại giao diện đăng nhập sau khi đăng kí tài khoản thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 4.1 Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |
|  | 8.1 Hệ thống thông báo mã xác nhận của số điện thoại không đúng |

Quên mật khẩu email

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Đổi mật khẩu bằng email** | |
| Mục đích: | Giúp người dùng tạo mật khẩu mới |
| Mô tả: | Cho phép người dùng tạo lại mật khẩu mới khi quên mật khẩu |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã có tài khoản |
| Điều kiện sau: | Cập nhật lại mật khẩu mới |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn chức năng đăng nhập ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 Người dùng chọn chức năng quên mật khẩu |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị giao diện nhập email hoặc số điện thoại |
| 5 Người dùng điền email |  |
|  | 6 Hệ thống kiểm tra email |
|  | 7 Hệ thống gửi mã xác nhận qua mail |
|  | 8 Hệ thống hiển thị giao diện nhập mã xác nhận |
| 9 Người dùng nhập mã xác nhận |  |
|  | 10 Hệ thông kiểm tra mã xác nhận |
|  | 11 Hệ thống hiển thị giao diện nhập mật khẩu mới |
| 12 Người dùng nhập vào các thông tin |  |
|  | 13 Hệ thống kiểm tra các thông tin |
|  | 14 Hệ thống trả về lại giao diện đăng nhập |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 6.1 Hệ thống thông báo email không hợp lệ |
|  | 10.1 Hệ thống thông báo mã xác nhận không đúng |
|  | 13.1 Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |

Quên mật khẩu số điện thoại

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Đổi mật khẩu bằng số điện thoại** | |
| Mục đích: | Giúp người dùng tạo mật khẩu mới |
| Mô tả: | Cho phép người dùng tạo lại mật khẩu mới khi quên mật khẩu |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã có tài khoản |
| Điều kiện sau: | Cập nhật lại mật khẩu mới |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn chức năng đăng nhập ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 Người dùng chọn chức năng quên mật khẩu |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị giao diện nhập email hoặc số điện thoại |
| 5 Người dùng điền số điện thoại |  |
|  | 6 Hệ thống kiểm tra số điện thoại |
|  | 7 Hệ thống gửi mã xác nhận qua số điện thoại |
|  | 8 Hệ thống hiển thị giao diện nhập mã xác nhận |
| 9 Người dùng nhập mã xác nhận |  |
|  | 10 Hệ thông kiểm tra mã xác nhận |
|  | 11 Hệ thống hiển thị giao diện nhập mật khẩu mới |
| 12 Người dùng nhập vào các thông tin |  |
|  | 13 Hệ thống kiểm tra các thông tin |
|  | 14 Hệ thống trả về lại giao diện đăng nhập |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 6.1 Hệ thống thông báo số điện thoại không hợp lệ |
|  | 10.1 Hệ thống thông báo mã xác nhận không đúng |
|  | 13.1 Hệ thống thông báo thông tin được nhập không hợp lệ |

Đăng xuất 3

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Đăng xuất** | |
| Mục đích: | Giúp người dùng đăng xuất tài khoản |
| Mô tả: | Người dùng đăng xuất ra khỏi tài khoản đang sử dụng ở hiện tại |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Người dùng đăng xuất thành công |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng người dùng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng |
| 3 Người dùng chọn đăng xuất |  |
|  | 4 Hệ thống đăng xuất tài khoản và trả về lại giao diện hiện tại của trang web |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Đăng nhập 4

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Đăng nhập** | |
| Mục đích: | Giúp người dùng đăng nhập được vào hệ thống |
| Mô tả: | Cho phép người đăng nhập để mua hàng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã có tài khoản và chưa đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Người dùng đăng nhập thành công |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng truy cập vào web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị trang chủ của trang web |
| 3 Người dùng chọn chức năng đăng nhập ở đầu trang web |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập |
| 5 Người dùng nhập thông tin và chọn đăng nhập |  |
|  | 6 Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập |
|  | 7 Hệ thống hiển thị trang chủ sau khi đăng nhập thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 6.1 Hệ thống thông báo thông tin đăng nhập không hợp lệ |

Liên hệ 5

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Liên hệ** | |
| Mục đích: | Trao đổi với bộ phận quản lý trang web |
| Mô tả: | Cho phép người dùng gửi mail cho trang web |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã truy cập vào trang web |
| Điều kiện sau: | Người dùng gửi tin nhắn thành công |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng truy cập vào web và chọn biểu tượng liên hệ ở bên phải màn hình |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị trang liên hệ |
| 3 Người dùng nhập các thông tin và chọn gửi |  |
|  | 4 Hệ thống kiểm tra thông tin nhập |
|  | 5 Hệ thống thông báo gửi thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 4.1 Hệ thống thông báo email người gửi không hợp lệ |

Xem thông tin sản phẩm 6

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Xem thông tin sản phẩm** | |
| Mục đích: | Xem thông tin sản phẩm |
| Mô tả: | Cho phép người dùng xem chi tiết về sản phẩm |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã truy cập vào trang web |
| Điều kiện sau: | Hệ thống hiện thị trang thông tin sản phẩm |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng truy cập vào web và chọn sản phẩm cần xem |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị trang thông tin sản phẩm |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Tìm kiếm sản phẩm 7

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Tìm kiếm sản phẩm** | |
| Mục đích: | Tìm sản phẩm |
| Mô tả: | Cho phép người dùng tìm sản phẩm cần mua |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã truy cập vào trang web |
| Điều kiện sau: | Hệ thống hiện thị các sản phẩm được tìm |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng truy cập vào web |  |
| 2 Người dùng nhập vào ô tìm kiếm tên của sản phẩm cần tìm và chọn vào biểu tượng tìm |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị các sản phẩm tương ứng |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Xem sản phẩm theo loại 8

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Xem chi tiết sản phẩm** | |
| Mục đích: | Xem thông tin sản phẩm |
| Mô tả: | Cho phép người dùng xem chi tiết về sản phẩm |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã truy cập vào trang web |
| Điều kiện sau: | Hệ thống hiện thị trang thông tin sản phẩm |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng truy cập vào web và chọn loại sản phẩm cần xem ở đầu trang |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Bình luận 9

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Bình luận** | |
| Mục đích: | Bình luận về sản phẩm |
| Mô tả: | Cho phép người đưa ra đánh giá về sản phẩm |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Hệ thống hiện thị bình luận mới |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng truy cập vào mục bình luận ở phần thông tin sản phẩm |  |
| 2 Người dùng nhập bình luận |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị bình luận mới được thêm ở trang thông tin sản phẩm |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Thêm vào giỏ hàng 9

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Thêm vào giỏ hàng** | |
| Mục đích: | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| Mô tả: | Cho phép người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng để đặt mua |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Hệ thống hiện thị sản phẩm mới trong giỏ hàng |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào chức năng thêm vào giỏ hàng ở giao diện thông tin sản phẩm |  |
|  | 2 Hệ thống thông báo thêm thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Xem giỏ hàng 10

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Xem giỏ hàng** | |
| Mục đích: | Xem giỏ hàng |
| Mô tả: | Cho phép người dùng xem các sản phẩm đang trong giỏ hàng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Hệ thống hiện thị danh sách các sản phẩm trong giỏ hàng |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng giỏ hàng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiện thị danh sách các sản phẩm trong giỏ hàng |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Cập nhật giỏ hàng 11

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Cập nhật giỏ hàng** | |
| Mục đích: | Cập nhật số lượng của sản phẩm trong giỏ hàng |
| Mô tả: | Cho phép người dùng cập nhật lại số lượng của sản phẩm cần mua trong giỏ hàng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Hệ thống cập nhật lại giỏ hàng |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào “+” hoặc “-” để cập nhật số lượng sản phẩm tương ứng trong trang giỏ hàng |  |
|  | 2 Hệ thống hiện thị cập nhật lại giỏ hàng |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Xóa sản phẩm trong giỏ hàng 12

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Xóa sản phẩm trong giỏ hàng** | |
| Mục đích: | Xóa sản phẩm trong giỏ hàng |
| Mô tả: | Cho phép người dùng xóa sản phẩm hiện có trong giỏ hàng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập và trong giỏ hàng có sản phẩm |
| Điều kiện sau: | Sản phẩm đã được xóa khỏi giỏ hàng |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng tích vào ô trước mỗi sản phẩm muốn xóa trong giỏ hàng |  |
| 2 Người dùng chọn xóa |  |
|  | 3 Hệ thống cập nhật lại danh sách sản phảm trong giỏ hàng |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Cập nhật thông tin tài khoản 13

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Cập nhật thông tin người dùng** | |
| Mục đích: | Cập nhật thông tin tài khoản |
| Mô tả: | Cho phép người dùng cập nhật thông tin của tài khoản |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Thông tin tài khoản đã được cập nhật |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng người dùng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng |
| 3 Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị trang quản lý tài khoản |
| 5 Người dùng chọn thông tin tài khoản |  |
|  | 6 Hệ thống hiển thị trang thông tin tài khoản |
| 7 Người dùng thay đổi các thông tin đang được hiển thị và chọn lưu thay đổi |  |
|  | 8 Hệ thống kiểm tra thông tin nhập |
|  | 9 Hệ thống thông báo cập nhật thông tin thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 8.1 Hệ thống thông báo thông tin nhập không hợp lệ |

Cập nhật email 14

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Cập nhật email** | |
| Mục đích: | Cập nhật lại email |
| Mô tả: | Cho phép người dùng cập nhật lại email đang sử dụng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Email đã được cập nhật |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng người dùng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng |
| 3 Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị trang quản lý tài khoản |
| 5 Người dùng chọn thông tin tài khoản |  |
|  | 6 Hệ thống hiển thị trang thông tin tài khoản |
| 7 Người dùng chọn cập nhật ở dòng email |  |
|  | 8 Hệ thống hiển thị trang nhập email mới |
| 9 Người dùng nhập email mới và chọn lưu thay đổi |  |
|  | 10 Hệ thống kiểm tra email |
|  | 11 Hệ thống gửi mã xác nhận |
|  | 12 Hệ thống hiển thị trang nhập mã xác nhận |
| 13 Người dùng nhập mã xác nhận |  |
|  | 14 Hệ thống kiểm tra mã xác nhận |
|  | 15 Hệ thống thông báo đổi thành công email |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 10.1 Hệ thống thông báo email không hợp lệ |
|  | 14.1 Hệ thống thông báo mã xác nhận không hợp lệ |

Cập nhật số điện thoại 15

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Cập nhật số điện thoại** | |
| Mục đích: | Cập nhật lại số điện thoại |
| Mô tả: | Cho phép người dùng cập nhật lại số điện thoại đang sử dụng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Số điện thoại đã được cập nhật |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng người dùng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng |
| 3 Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị trang quản lý tài khoản |
| 5 Người dùng chọn thông tin tài khoản |  |
|  | 6 Hệ thống hiển thị trang thông tin tài khoản |
| 7 Người dùng chọn cập nhật ở dòng số điện thoại |  |
|  | 8 Hệ thống hiển thị trang nhập số điện thoại mới |
| 9 Người dùng nhập số điện thoại mới và chọn lưu thay đổi |  |
|  | 10 Hệ thống kiểm tra số điện thoại |
|  | 11 Hệ thống gửi mã xác nhận |
|  | 12 Hệ thống hiển thị trang nhập mã xác nhận |
| 13 Người dùng nhập mã xác nhận |  |
|  | 14 Hệ thống kiểm tra mã xác nhận |
|  | 15 Hệ thống thông báo đổi thành công số điện thoại |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 10.1 Hệ thống thông báo số điện thoại không hợp lệ |
|  | 14.1 Hệ thống thông báo mã xác nhận không hợp lệ |

Cập nhật mật khẩu 16

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Cập nhật mật khẩu** | |
| Mục đích: | Cập nhật lại mật khẩu mới |
| Mô tả: | Cho phép người dùng cập nhật mật khẩu mới |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Mật khẩu được cập nhật |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng người dùng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng |
| 3 Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị trang quản lý tài khoản |
| 5 Người dùng chọn thông tin tài khoản |  |
|  | 6 Hệ thống hiển thị trang thông tin tài khoản |
| 7 Người dùng chọn cập nhật ở dòng mật khẩu |  |
|  | 8 Hệ thống hiển thị trang đổi mật khẩu |
| 9 Người dùng nhập thông tin và chọn lưu thay đổi |  |
|  | 10 Hệ thống kiểm tra các thông tin được nhật |
|  | 11 Hệ thống thông báo đổi mật khẩu thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |
|  | 10.1 Hệ thống thông báo thông tin nhập không hợp lệ |

Xem đơn hàng 17

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Xem đơn hàng** | |
| Mục đích: | Xem các đơn hàng |
| Mô tả: | Cho phép người dùng xem các đơn hàng của tài khoản |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Hiển thị các đơn hàng |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng người dùng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng |
| 3 Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị trang quản lý tài khoản |
| 5 Người dùng chọn quản lý đơn hàng |  |
|  | 6 Hệ thống hiển thị giao diện đơn hàng |
| 7 Người dùng chọn tình trạng đơn hàng cần xem |  |
|  | 8 Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng tương ứng |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Tìm đơn hàng 18

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Tìm đơn hàng** | |
| Mục đích: | Tìm các đơn hàng |
| Mô tả: | Cho phép người dùng tìm đơn hàng của tài khoản |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập |
| Điều kiện sau: | Hiển thị đơn hàng cần tìm |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng người dùng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng |
| 3 Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị trang quản lý tài khoản |
| 5 Người dùng chọn quản lý đơn hàng |  |
|  | 6 Hệ thống hiển thị giao diện đơn hàng |
| 7 Người dùng nhập tên đơn hàng cần tìm |  |
|  | 8 Hệ thống hiển thị đơn hàng tương ứng |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Hủy đơn hàng 19

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Hủy đơn hàng** | |
| Mục đích: | Hủy đơn hàng |
| Mô tả: | Cho phép người dùng hủy đơn hàng trong trạng thái “Chờ xác nhận” |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập và có đơn hàng đang trong trạng tháu “Chờ xác nhận” |
| Điều kiện sau: | Hủy thành công đơn hàng |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng người dùng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị danh sách các chức năng |
| 3 Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản |  |
|  | 4 Hệ thống hiển thị trang quản lý tài khoản |
| 5 Người dùng chọn quản lý đơn hàng |  |
|  | 6 Hệ thống hiển thị giao diện đơn hàng |
| 7 Người dùng chọn vào “Chờ xác nhận” |  |
|  | 8 Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng đang chờ được xác nhận |
| 9 Người dùng chọn vào nút hủy ứng với đơn hàng trong danh sách |  |
|  | 10 Hệ thống thông báo hủy thành công |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |

Đặt hàng 20

|  |  |
| --- | --- |
| **Use case: Đặt hàng** | |
| Mục đích: | Đặt hàng |
| Mô tả: | Cho phép người dùng đặt các đơn hàng đang có trong giỏ hàng |
| Tác nhân: | Người dùng |
| Điều kiện trước: | Người dùng đã đăng nhập và có sản phẩm trong giỏ hàng |
| Điều kiện sau: | Hệ thống gửi mail về sản phẩm được đặt |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) |  |
| Tác nhân | Hệ thống |
| 1 Người dùng chọn vào biểu tượng giỏ hàng ở đầu trang web |  |
|  | 2 Hệ thống hiển thị giao diện giỏ hàng |
| 3 Người dùng tích vào các sản phẩm cần đặt và chọn mua hàng |  |
|  | 4 Hệ thống thông báo đặt hàng thành công |
|  | 5 Hệ thống gửi chi tiết đơn hàng qua mail |
| **Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows):** | |
| Tác nhân | Hệ thống |